TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 451/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 544/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị **Nguyễn Khánh P** - sinh năm 1984; Căn cước công dân số 001184023017 cấp ngày 11/3/2024; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: số A ngõ X, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

+ Anh **Bùi Quang T** - sinh năm 1983; Căn cước công dân số 001083037839 cấp ngày 09/10/2023; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: số E ngách A ngõ X, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Khánh P và anh Bùi Quang T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/11/2008 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ), Thành phố Hà Nội. Nay chị P, anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị P, anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Bùi Nguyễn Đăng K (nam), sinh ngày 09/8/2009 và Bùi Minh K1 (nam), sinh ngày 09/4/2015. Ly hôn, anh chị tự nguyện thỏa thuận để anh Trung trực T1 nuôi dưỡng con chung Bùi Nguyễn Đăng K, chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Minh K1, hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị P, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị P, anh T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị P, anh T tự nguyện thỏa thuận về việc chị P nộp tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ngoài các yêu cầu trên, chị P, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết việc gì khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Khánh P và anh Bùi Quang T.

- Về con chung: Chị P, anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Bùi Nguyễn Đăng K (nam), sinh ngày 09/8/2009 và Bùi Minh K1 (nam), sinh ngày 09/4/2015. Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của anh chị để anh Trung trực T1 nuôi dưỡng con chung Bùi Nguyễn Đăng K, chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Minh K1. Chị P, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị P, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị P, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ: Chị P, anh T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị P, anh T về việc chị P nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009433 ngày 17/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

VŨ LỆ QUYÊN

TAND KHU VỰC 2
4MG150526.TL.QDBA 1747